

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/8/2025
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.

Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: Thôn 1A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn 1A, xã K, tỉnh Đắk Lắk), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: Thôn 1B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn 1B, xã K, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Tôi và anh Lê Thanh H chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2015.

Quá trình sinh sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã. Đến tháng 5/2025 mâu thuẫn càng trầm trọng, tôi đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Thanh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai con chung là cháu Lê Thanh Khánh M, sinh ngày 19/5/2016 và cháu Lê Thanh Gia P, sinh ngày 29/10/2019. Tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu anh Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh H trình bày:*

Tôi và cô Nguyễn Thị T chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi không còn quan tâm chăm sóc tôi. Đến đầu tháng 7/2025 vợ chồng tôi không còn chung sống với nhau nữa. Nay cô T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có hai con chung là cháu Lê Thanh Khánh M, sinh ngày 19/5/2016 và cháu Lê Thanh Gia P, sinh ngày 29/10/2019. Trường hợp ly hôn tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thanh Gia P đến tuổi trưởng thành; giao cháu Lê Thanh Khánh M cho cô T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chúng tôi tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk:*

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 **Điều 39 BLTTDS**; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; **Điều 6 nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Về quan hệ hôn nhân: **Cho** chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh H; Về con chung: Giao các con chung là cháu Lê Thanh Khánh M, sinh ngày 19/5/2016 và cháu Lê Thanh Gia P, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **đến khi các cháu đủ 18 tuổi**; Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Lê Thanh H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; **Điều 238** Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/11/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị T thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay chị T xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên anh H không đồng ý ly hôn với chị T. Qua xác minh tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh H có xảy ra mâu thuẫn.

Xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh H.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh H có hai con chung là cháu Lê Thanh Khánh M, sinh ngày 19/5/2016 và cháu Lê Thanh Gia P, sinh ngày 29/10/2019, hiện cháu M và cháu P đang sinh sống cùng với chị T; nguyện vọng của cháu M là được ở với mẹ và em trai; nguyện vọng của chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, để đảm bảo tâm lý; điều kiện học hành; sinh hoạt và đảm bảo nguyện vọng của con chung, HĐXX giao các con chung là cháu Lê Thanh Khánh M và cháu Lê Thanh Gia P cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Anh Lê Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Lê Thanh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; **Điều 238** Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 6 nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh H.
 - Về con chung: Giao các con chung là cháu Lê Thanh Khánh M, sinh ngày 19/5/2016 và cháu Lê Thanh Gia P, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.
 - Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Lê Thanh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003410 ngày 18/7/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đắk Lắk).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- UBND xã Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy